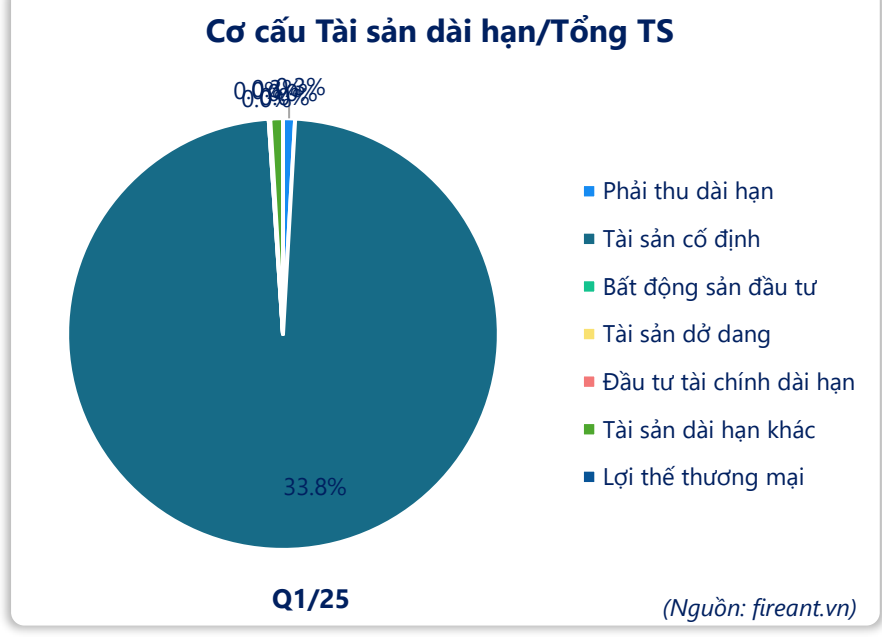
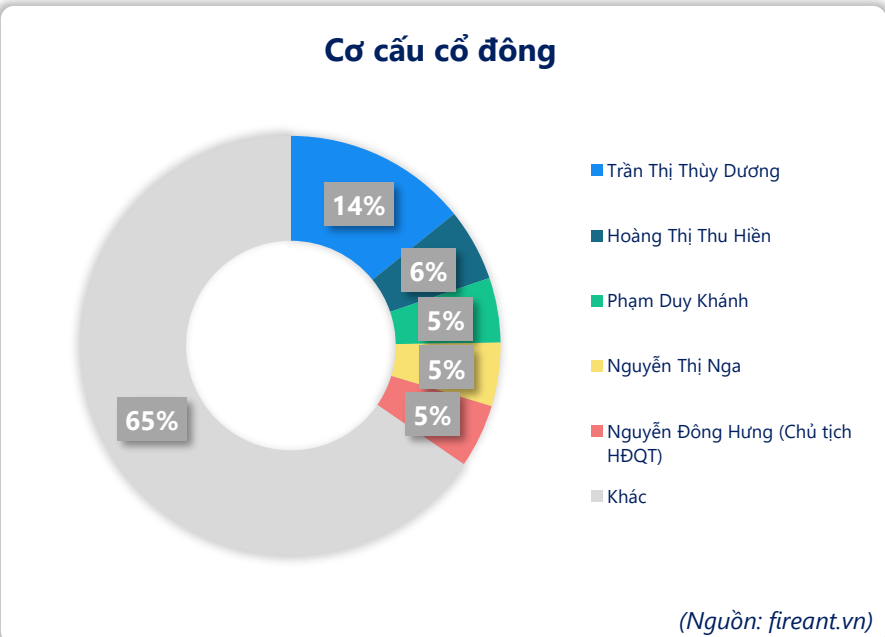
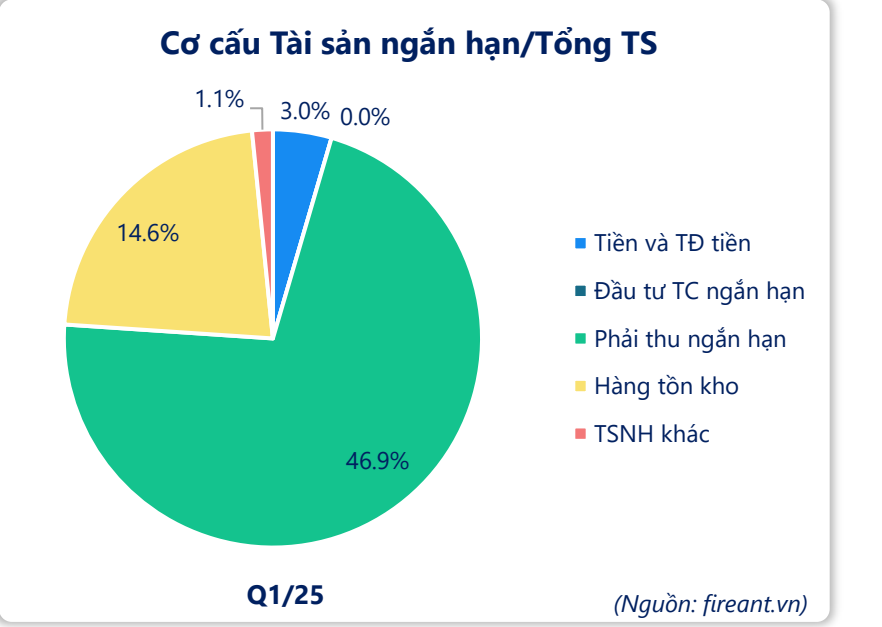
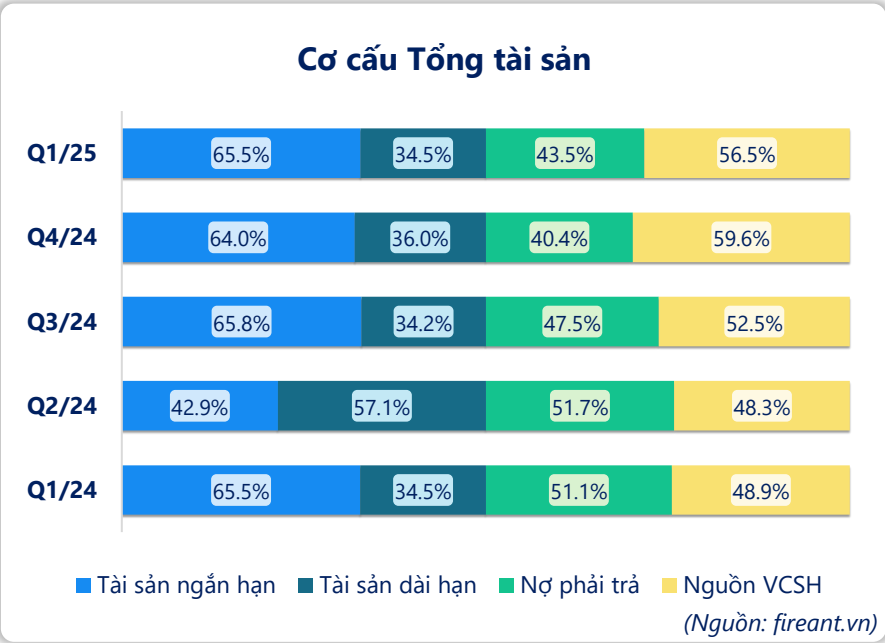
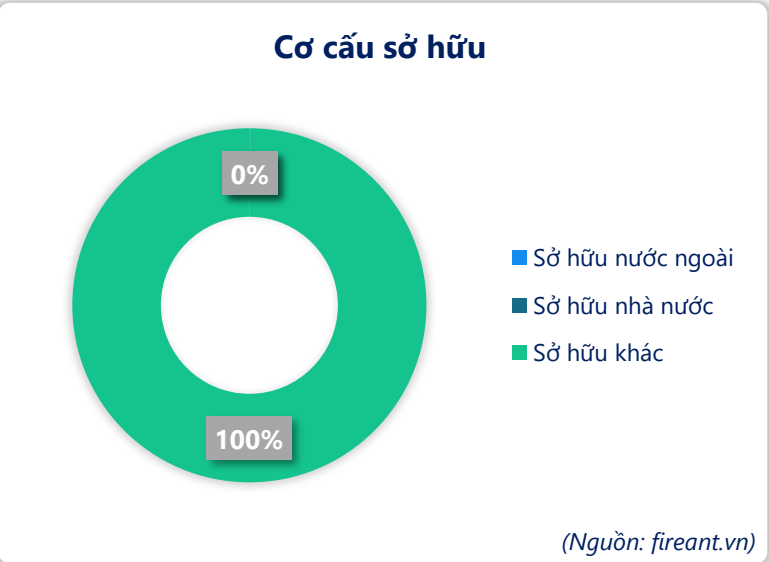
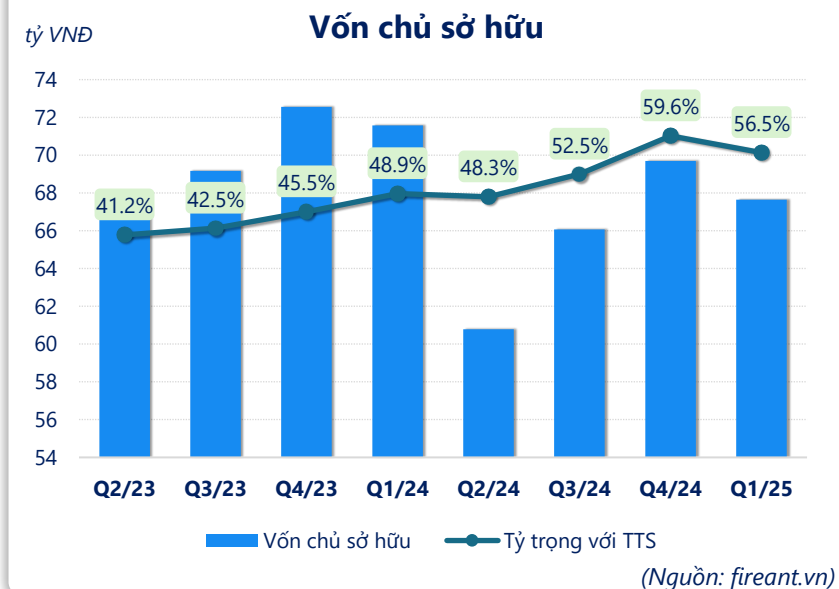
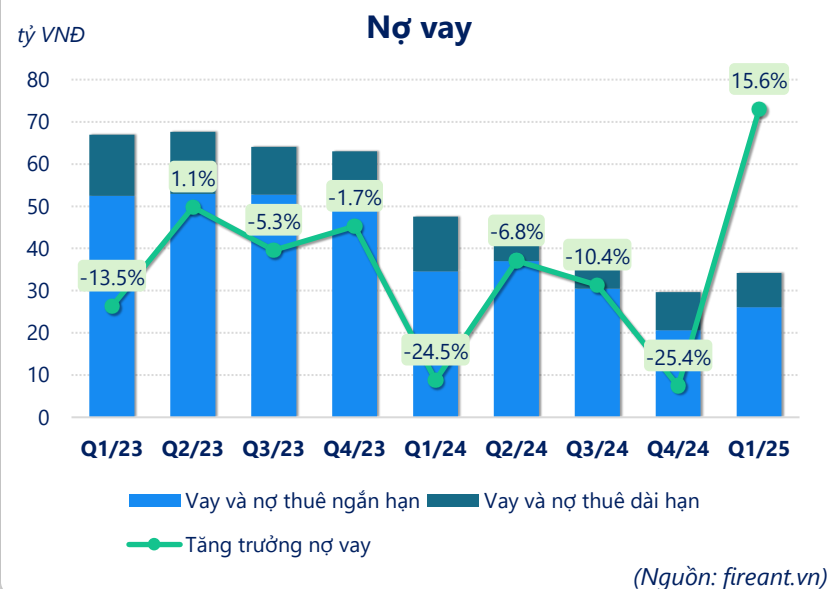
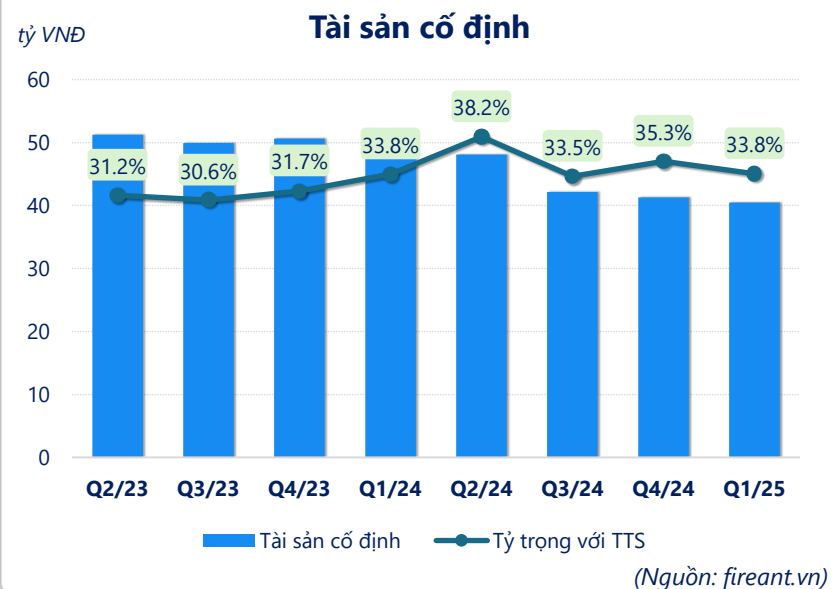
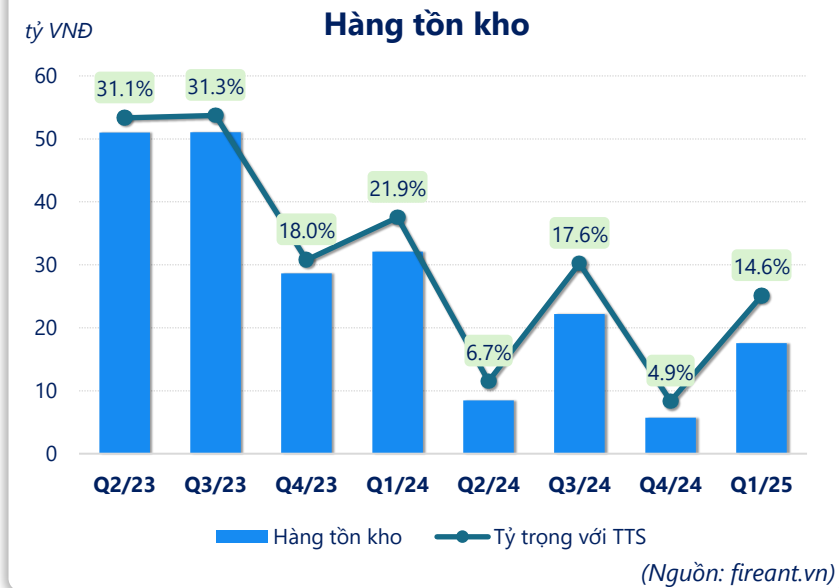
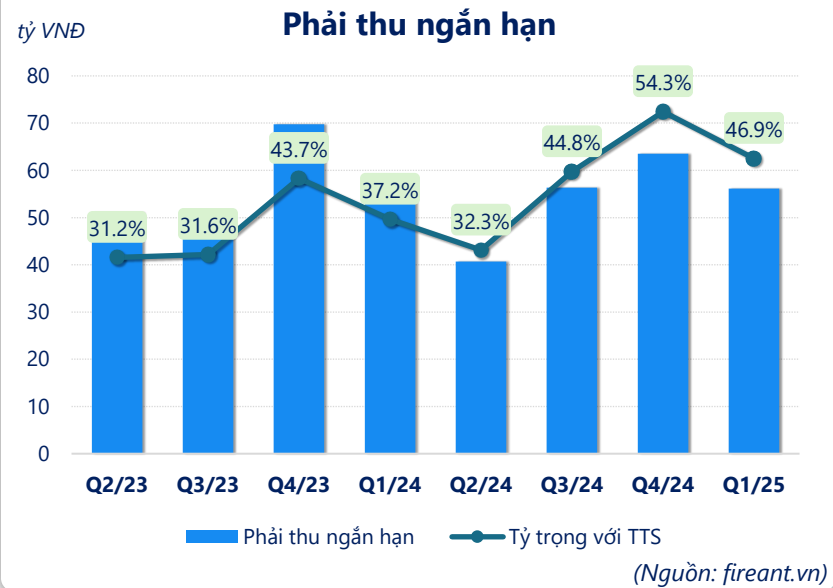
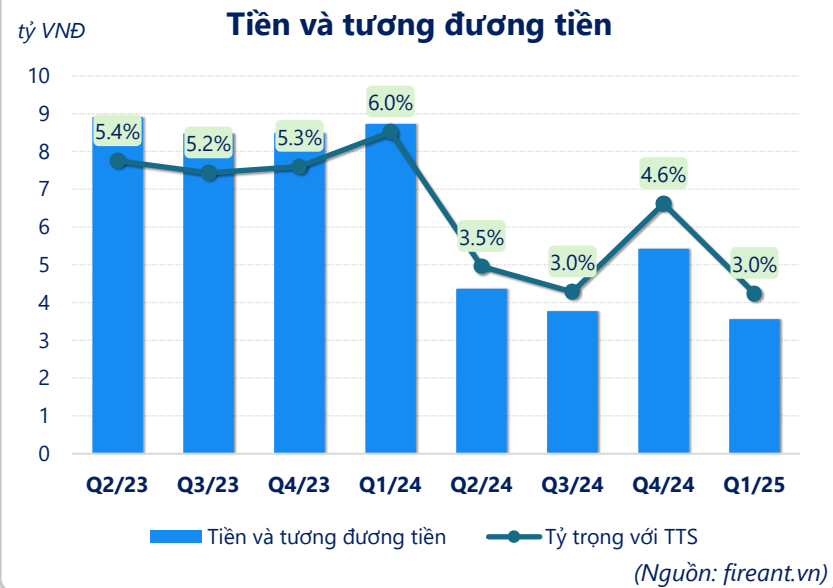
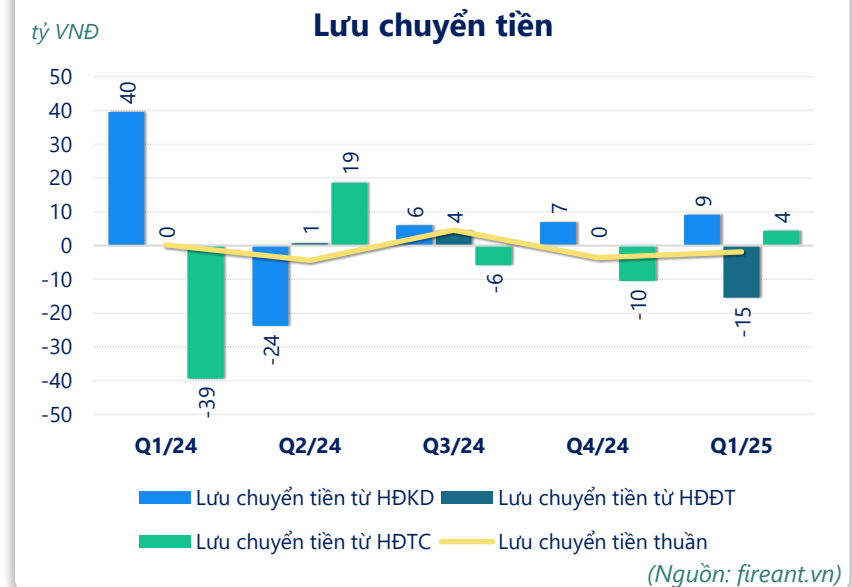
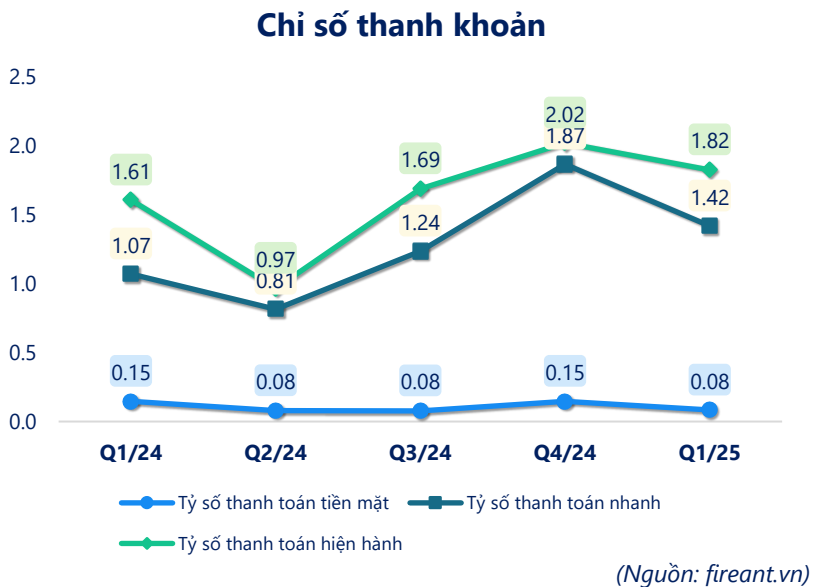
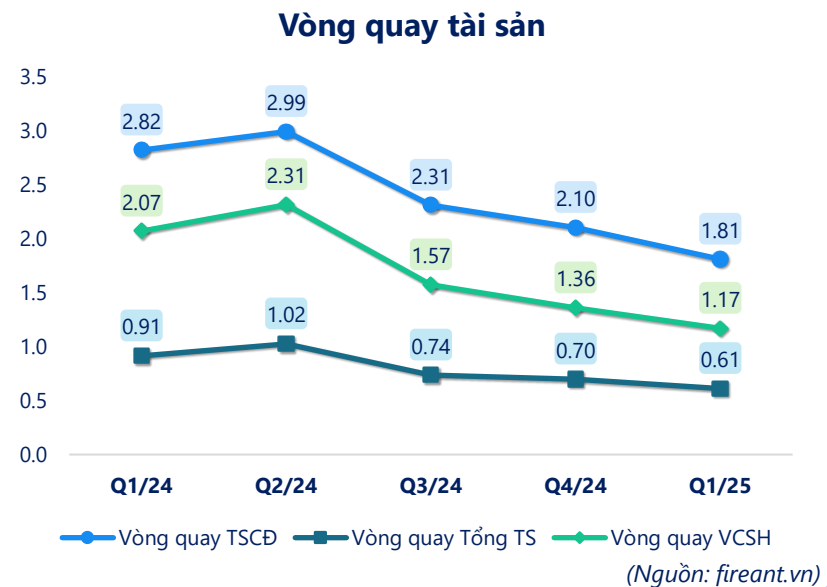
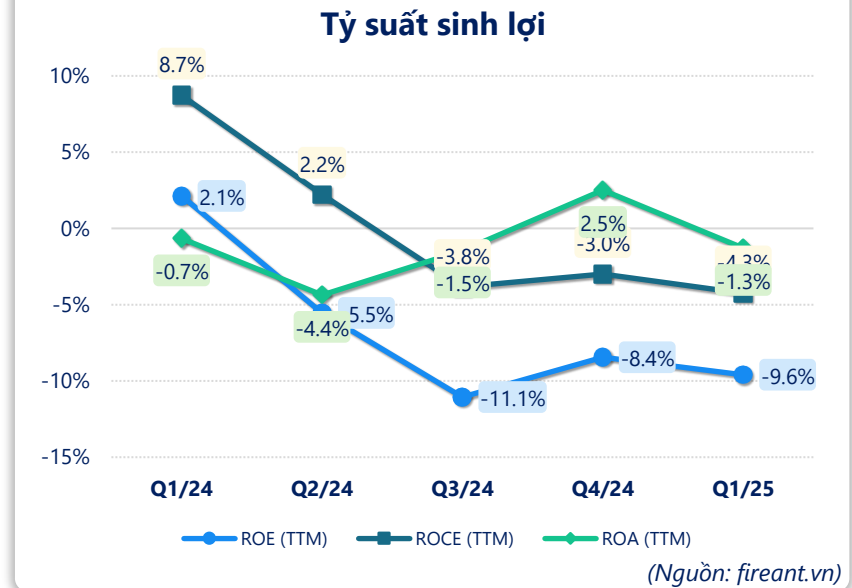
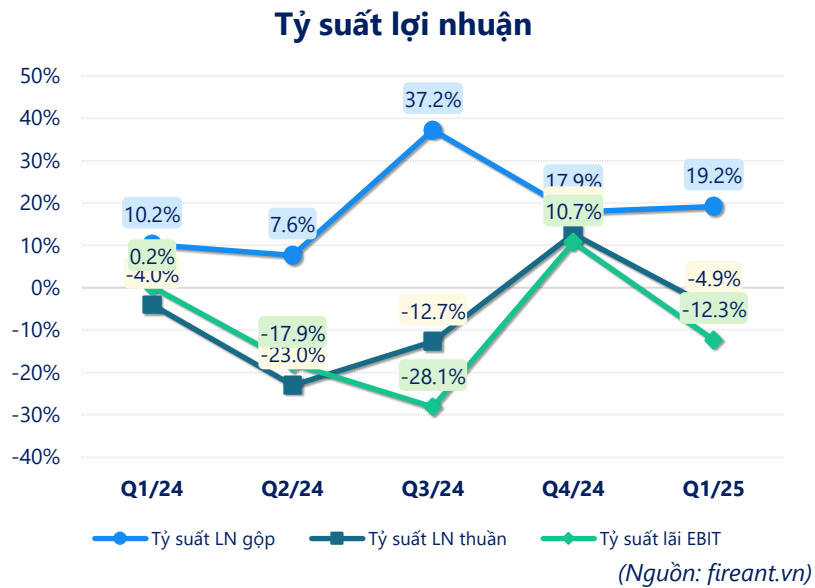
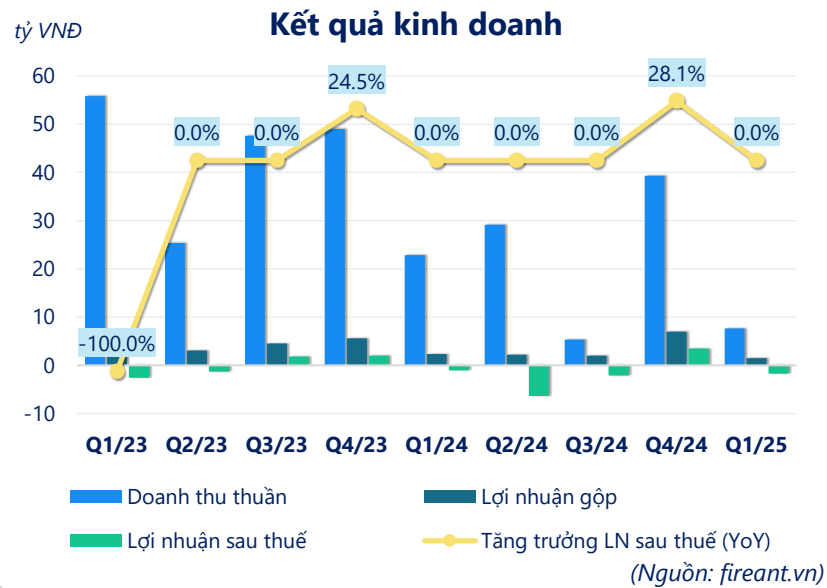


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,900
SL cổ phiếu LH		5,467,432
KLGD BQ 20 phiên (CP)		31,740
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		46
P/E		-7.0
EPS		-1,221

	YTD	1T	3T	6T
SMT	49.1%	46.6%	44.1%	57.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	120	118	1.8%
Tài sản ngắn hạn	78.5	75.5	4.0%
Tiền và tương đương tiền	3.56	5.42	-34.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	56.2	64.8	-13.3%
Hàng tồn kho	17.5	5.12	242%
Tài sản ngắn hạn khác	1.26	0.18	586%
Tài sản dài hạn	41.3	42.1	-2.1%
Phải thu dài hạn	0.37	0.38	-2.1%
Tài sản cố định	40.5	41.3	-1.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.05	0.05	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.39	0.46	-14.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	52.1	48.3	8.0%
Nợ ngắn hạn	43.0	41.9	2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.1	24.5	6.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.03	8.73	-8.0%
Nợ dài hạn	9.12	6.38	42.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.17	5.12	59.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	67.6	69.4	-2.5%
Vốn chủ sở hữu	67.6	69.4	-2.5%
Vốn điều lệ	54.7	54.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	22.9	29.1	5.36	39.3	7.64
Giá vốn hàng bán	20.5	26.9	3.36	32.3	6.17
Lợi nhuận gộp	2.33	2.23	1.99	7.01	1.47
Doanh thu HĐTC	0.03	0.01	0.00	0.02	0.00
Chi phí TC	1.09	1.11	0.59	0.58	0.52
Chi phí lãi vay	1.09	0.93	0.59	0.45	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.55	-0.21	0.94	0.53	0.44
Chi phí QLDN	0.64	8.05	1.15	0.96	0.89
LN thuần từ HĐKD	-0.92	-6.71	-0.68	4.98	-0.38
Lợi nhuận khác	-0.13	0.55	-1.42	-1.22	-0.56
LN trước thuế	-1.05	-6.16	-2.10	3.75	-0.94
Lợi nhuận sau thuế	-1.05	-6.33	-2.10	3.47	-1.72
LNST của CĐ cty mẹ	-1.05	-6.33	-2.10	3.47	-1.72

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.5	-23.7	6.00	6.92	9.14
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.03	0.72	4.43	0	-15.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-39.3	18.6	-5.86	-10.4	4.39
Tiền đầu kỳ	8.49	8.73	4.37	3.77	5.42
Lưu chuyển tiền thuần	0.24	-4.36	4.58	-3.52	-1.86
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.73	4.37	3.77	5.42	3.56

(Nguồn: fireant.vn)